

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG
CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA:
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

MỤC LỤC

1. Thực trạng hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Ở Việt Nam.....	2
2. Kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ tín dụng chodoanh nghiệp nhỏ và vừa.....	5
2.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản.....	5
2.1.1. Hệ thống tài chính tài trợ vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	5
2.1.2. Các chính sách hỗ trợ tài chính.....	8
2.1.3. Các kênh tài trợ trực tiếp.....	9
2.1.4. Lựa chọn doanh nghiệp cấp vốn/hỗ trợ tài chính.....	9
2.2. Mexico và chương trình bao thanh toán trực tuyến NAFIN.....	12
2.3. Kinh nghiệm của Đài Loan.....	15

DNNVV gặp những khó khăn về tài chính/tín dụng do: (i) rủi ro tín dụng cao; (ii) độ tin cậy của báo cáo tài chính thấp; (iii) thiếu tài sản thế chấp; và (iv) chi phí giám sát lớn. Vì vậy, các tổ chức tài chính tư nhân có khuynh hướng ưu tiên cho vay

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU 2017 1

đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn. Tuy nhiên, với vai trò quan trọng của khu vực DNNVV, nhiều quốc gia đã có những chính sách hỗ trợ nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn của các DNNVV.

1. Thực trạng hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, kênh hỗ trợ tín dụng cho DNNVV bao gồm các chính sách ưu đãi tín dụng do các tổ chức tín dụng áp dụng đối với các DNNVV, quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV và quỹ hỗ trợ DNNVV. Một trong những nguyên tắc hoạt động của các tổ chức tín dụng là phải ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng. Trong khi đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường quá trẻ, quá nhỏ và quá nhiều rủi ro để tạo niềm tin cho các ngân hàng và các định chế tài chính khác[4]. Trong khi đó, các DNNVV Việt Nam thường làm ăn có tính chộp giật, manh mún, năng lực quản trị kém. Vì lẽ đó, các tổ chức tín dụng đều đưa ra những điều kiện vay vốn rất khắt khe. Thông thường các điều kiện là khách hàng vay phải có năng lực tài chính tốt, dự án vay vốn khả thi và có tài sản bảo đảm. Do có quy mô nhỏ, tiềm lực tài chính yếu, cấu trúc đơn giản, ít chú ý tới công tác quản trị tài chính, nhân sự và đặc biệt là không đáp ứng được về tài sản thế chấp nên DNNVV thường gặp trở ngại hơn là các công ty có quy mô lớn trong việc vay vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh[5]. Trên thực tế, các DNNVV ở Việt Nam cũng không minh bạch về báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính thường mang tính chất đối phó với cơ quan thuế. Vì vậy các thông tin trên báo cáo tài chính của DNNVV hoặc là không đủ độ tin cậy hoặc thể hiện DNNVV không đủ điều kiện vay vốn. Vì vậy, nhiều DNNVV bị từ chối cho vay vì không đáp ứng được điều kiện về hồ sơ vay vốn. Hơn nữa, DNNVV cũng không đáp ứng được điều kiện tài sản bảo đảm nên cũng không được chấp nhận cho vay vốn. Do đó, trên thực tiễn các DNNVV gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ tổ chức tín dụng.

Trước những khó khăn trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, quỹ bảo lãnh tín

dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (QBLTD) được thành lập ở các địa phương để bảo lãnh cho các DNNVV vay vốn từ các tổ chức tín dụng. Điều 14 của Quy chế quy định như sau:

(i). Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay. Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ bảo lãnh tín dụng thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định tại Quy chế này.

(ii). Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay.

(iii). Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh.

(iv). Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác”.

Việc yêu cầu DNNVV phải có tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản bảo lãnh vay vốn gây khó khăn cho các DNNVV và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động bảo lãnh tín dụng[6]. Bởi lẽ về mặt logic, doanh nghiệp cần đến bảo lãnh tín dụng khi họ không có tài sản bảo đảm để cầm cố hoặc thế chấp tại tổ chức tín dụng để vay vốn, còn nếu họ đã có tài sản bảo đảm thì rõ ràng họ cũng không thực sự cần đến bảo lãnh tín dụng.

QBLTD được lập tại các địa phương với nguồn vốn đa dạng. Ví dụ theo Điều 1.2 Nghị quyết số 192/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Quảng Nam quy định:

a) Ngân sách tỉnh cấp ban đầu 30 tỷ đồng (ba mươi tỷ đồng); Hằng năm tùy khả năng cân đối ngân sách và hiệu quả hoạt động, Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phù hợp.

b) Vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định việc góp vốn của các tổ chức tín dụng.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, cho đến nay, vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vẫn là nguồn chủ yếu của QBLTD[7]. Nhiều địa phương chỉ đủ cân đối ngân sách để đảm bảo đủ nguồn vốn tối thiểu theo quy định là 30 tỷ đồng[8]. Với lượng vốn ít ỏi này, QBLTD không thể đáp ứng được nhu cầu bảo lãnh tín dụng của đông đảo các DNNVV ở địa phương. Trên thực tế, không phải tỉnh nào cũng có QBLTD. Ví dụ, cho đến nay tỉnh Khánh Hòa chưa có QBLTD[9]. Nói tóm lại, bảo lãnh tín dụng cho DNNVV chưa thực sự hiệu quả trên thực tế. Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) cũng đã được thành lập theo Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. SMEDF trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. SMEDF được thành lập để hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án, phương án sản xuất - kinh doanh khả thi thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích của Nhà nước, phù hợp với mục đích hoạt động của Quỹ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần làm tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động. SMEDF không trực tiếp cho doanh nghiệp vay mà ủy thác cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc các ngân hàng thương mại cho DNNVV vay. Kỳ hạn vay không quá 07 năm, trong trường hợp đặc biệt, theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kỳ hạn tối đa là 10 năm. Mức vốn cho vay đối với mỗi dự án, phương án sản xuất - kinh doanh tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án đó (không bao gồm vốn lưu động) nhưng không quá 30 tỷ đồng. Mức lãi suất khá ưu đãi, tối đa không quá 90% lãi suất cho vay thương mại. Lãi suất áp dụng cho chương trình hỗ trợ tài chính của Quỹ năm 2017 là 7%/năm. Tuy nhiên, điều kiện cho vay cũng tương đối chặt

chẽ, trong đó có điều kiện phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Như vậy, với điều kiện này không phải doanh nghiệp nào cũng có thể tiếp cận được nguồn vốn này, đặc biệt là các doanh nghiệp start-up. Hơn nữa, hạn mức chương trình không lớn, ví dụ hạn mức chương trình hỗ trợ DNNVV lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản năm 2017 là 180 tỷ đồng¹⁰. Với hạn mức chương trình còn rất khiêm tốn, chỉ một mình quỹ cũng khó lòng đáp ứng được nhu cầu vốn của các DNNVV [CITATION Thủ17 \l 1033].

2. Kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản được đánh giá là quốc gia số một trong việc giải quyết khó khăn về vốn cho các DNNVV và được nhắc đến với cái tên “vương quốc của các doanh nghiệp”. Các DNNVV ở Nhật Bản đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, chiếm tới 99% tổng số doanh nghiệp, đóng góp cho phát triển kinh tế, tạo việc làm cho khoảng 70% tổng số lao động trong khu vực doanh nghiệp và ổn định xã hội. Vì những lý do đó, chính phủ Nhật Bản luôn duy trì chính sách hỗ trợ tối đa cho nhóm đối tượng này, trong đó hỗ trợ tiếp cận tài chính- tín dụng là một trong những biện pháp ưu tiên hàng đầu. Cụ thể:

2.1.1. Hệ thống tài chính tài trợ vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, Chính phủ Nhật đã có chính sách phù hợp nhằm đa dạng các loại hình tổ chức tài chính nhà nước phục vụ cho các chính sách của Chính phủ (các thể chế tài chính dựa trên sở hữu nhà nước và chính sách- State- owned and policy-based financial institutions) cung cấp vốn cho sự phát triển của các DNNVV. Các tổ chức tài chính này lần lượt được thành lập sau chiến tranh và đã đáp ứng tốt nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp trong việc đầu tư đổi mới công nghệ. Chính sự tiên phong của các tổ chức tài chính nhà nước là yếu tố thúc đẩy các tổ chức tài chính ngoài nhà nước khác đầu tư vào lĩnh vực này. Bằng cách

đó, chính sách này có tác dụng rất lớn trong việc chuyển dịch một lượng vốn không nhỏ trong nền kinh tế vào đầu tư đổi mới công nghệ.

Hệ thống tài chính tài trợ vốn cho DNNVV của Nhật Bản bao gồm các tổ chức tài chính công phục vụ chính sách và các tổ chức tài chính bảo lãnh tín dụng.

- Đối với hình thức tổ chức tài chính công:

Bao gồm ba tổ chức do Nhà nước tài trợ và kiểm soát trực tiếp, chuyên phục vụ các DNNVV: (i) Tổ chức Tài chính chính sách Nhật Bản; (ii) Ngân hàng Trung ương hiệp hội Công Thương (Shoko Chukin); và (iii) Hiệp hội Bảo lãnh tín dụng. Trong tổ chức Tài chính chính sách Nhật Bản bao gồm 2 đơn vị là Phòng DNNVV và Phòng hỗ trợ tài chính dân sinh. Các tổ chức tài chính công định hướng cung cấp ổn định ở mức 10% tổng số vốn cho vay dành cho các DNNVV. Các tổ chức tài chính khác nhau sẽ có thứ tự ưu tiên tài trợ khác nhau.

- Tổ chức Tài chính chính sách Nhật Bản sẽ cho vay đối với các doanh nghiệp quy mô vừa và doanh nghiệp quy mô nhỏ. Năm 2013, khoảng 958 nghìn doanh nghiệp quy mô nhỏ và 47 nghìn doanh nghiệp quy mô vừa được vay từ tổ chức này. Tổ chức này hiện nay được chia thành 2 bộ phận là Bộ phận hỗ trợ tài chính dân sinh và Bộ phận DNNVV.

Đối với Bộ phận hỗ trợ tài chính dân sinh (trước đây là Tổ chức tài chính nhân dân). Tổ chức này được thành lập năm 1949 và phát triển mạnh nhất trong giai đoạn 1955- 1975. Tổ chức này sẽ phối hợp với Phòng thương mại và công nghiệp hoặc Hiệp hội công thương hoặc tự mình thực hiện thẩm tra và cấp vốn cho các DNNVV.

Đối với Bộ phận DNNVV. Tổ chức này được thành lập năm 1953 với nghiệp vụ cấp vốn khi doanh nghiệp khởi nghiệp. Tổ chức này bắt đầu triển khai các nghiệp vụ của tổ chức tài chính trong giai đoạn 1953- 1962 và phát triển mạnh mẽ giai đoạn 1963- 1970. Mục đích thành lập Tổ chức này nhằm triển khai hoạt động cho vay xúc tiến việc hiện đại hóa DNNVV.

- Ngân hàng Trung ương hiệp hội Công Thương Nhật Bản chủ yếu cung cấp vốn cho hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp thành viên. Trong đó, tùy thuộc vào lượng vốn cho vay mà các điều kiện phê duyệt, lãi suất và chính sách ưu đãi là khác nhau. Nhìn chung, các doanh nghiệp mới thành lập có thể được Ngân hàng Trung ương hiệp hội Công Thương Nhật Bản chấp thuận cho vay không cần tài sản đảm bảo tối đa khoảng 10 triệu Yên.

Thậm chí, khi gặp thua lỗ, các doanh nghiệp mới thành lập có thể nộp đơn xin Chính phủ trợ giúp tài chính. Bằng cách thiết lập các tổ chức tài chính đặc biệt phục vụ chính sách, Chính phủ đã phân chia khu vực kinh doanh của các ngân hàng phục vụ chính sách với các ngân hàng thương mại một cách hiệu quả. Điều này không chỉ giúp đảm bảo cho hoạt động độc lập của các ngân hàng thương mại trong nước mà còn hỗ trợ đắc lực cho chính sách phát triển DNNVV, giúp giải quyết các vấn đề về vốn cho các doanh nghiệp này.

- Hiệp hội bảo lãnh tín dụng:

Ban đầu, các địa phương thành lập các hiệp hội bảo lãnh tín dụng bảo lãnh cho các khoản nợ của DNNVV với các tổ chức tài chính phi chính phủ. Các hiệp hội bảo lãnh tín dụng ủy thác cho các tổ chức tài chính hoặc các cơ quan xã hội xác minh thông tin về các doanh nghiệp xin cấp bảo lãnh, và trích từ 0.5%-1% giá trị các khoản cho vay để làm phí bảo lãnh. Tiếp sau đó, chính phủ thành lập quỹ bảo hiểm tín dụng vào năm 1958. Một mặt, quỹ này đảm bảo cho các khoản cho vay được cấp bởi các hiệp hội bảo hiểm tín dụng (trong trường hợp các DNNVV không có khả năng hoàn trả khoản vay, các hiệp hội này vẫn có thể được hoàn trả từ 70-80% tiền bảo hiểm), mặt khác, quỹ bảo hiểm cấp những khoản vốn vay ngắn và dài hạn cho các hiệp hội bảo lãnh tín dụng. Trong vai trò là người cho vay cuối cùng, quỹ bảo hiểm đảm bảo sự vận hành ổn định của các hiệp hội bảo lãnh tín dụng. Đến năm 2014, Nhật Bản có 52 hiệp hội trên toàn quốc với 188 chi nhánh và số dư cho vay bảo lãnh tín dụng trên 32 nghìn tỷ Yên.

2.1.2. Các chính sách hỗ trợ tài chính

Để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các DNNVV và phát huy những đóng góp quan trọng của khu vực này cho nền kinh tế quốc dân và một số lĩnh vực xã hội, Nhật Bản đã cải thiện các chính sách trợ cấp kinh tế, chủ yếu bao gồm chính sách trợ cấp tài chính và chính sách cho vay ưu đãi.

- Với chính sách trợ cấp tài chính, chính phủ sẽ tài trợ trực tiếp cho đầu tư đổi mới công nghệ để khuyến khích các DNNVV áp dụng những công nghệ mới. Theo Luật Khuyến khích Các Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa, Nhật Bản cấp vốn cho các DNNVV sáng tạo để phục vụ cho việc nghiên cứu và phát triển kỹ thuật.

- Với chính sách tín dụng ưu đãi, chính phủ cấp những khoản vay với lãi suất thấp (lãi suất thấp hơn so với lãi suất của các ngân hàng thương mại) cho các DNNVV thông qua các ngân hàng phục vụ chính sách. Bằng cách này, các doanh nghiệp có thể có đủ vốn để phát triển công nghệ mới, thuê mướn trang thiết bị, nâng cấp công suất vận hành của máy móc từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong trường hợp các DNNVV bị yếu thế trong cạnh tranh, chính phủ sẽ bảo hộ bằng cách cho vay trực tiếp với lãi suất thấp và dài hạn.

- Chính phủ cho phép và khuyến khích các DNNVV phát hành cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác ra công chúng. Năm 1996, chính phủ đã thành lập một quỹ đầu tư mạo hiểm để hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp kinh doanh mạo hiểm phát hành trái phiếu và thậm chí trực tiếp tài trợ cho trái phiếu của các doanh nghiệp này dưới danh nghĩa chính phủ.

- Chính phủ thành lập sàn giao dịch thứ cấp độc lập với sàn giao dịch sơ cấp. Tại Nhật Bản, sàn giao dịch thứ cấp quản lý các giao dịch phi chính thức (OTC) nhằm đáp ứng nhu cầu về các dịch vụ tài chính và chuyển nhượng của các DNNVV. Các điều kiện niêm yết trên thị trường thứ cấp rất lỏng lẻo với mục đích tạo cơ hội cho các doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời nhưng có tiềm năng phát triển được niêm yết trên sàn giao dịch này.

2.1.3. Các kênh tài trợ trực tiếp

- Sau chiến tranh, chính phủ đã huy động một lượng vốn cần thiết để thành lập các công ty xúc tiến đầu tư phục vụ các DNNVV. Năm 1963, Nhật Bản xây dựng Luật các công ty xúc tiến đầu tư phục vụ DNNVV với mục tiêu tăng cường nguồn vốn cho các doanh nghiệp mở rộng kinh doanh. Theo Luật này, các công ty xúc tiến đầu tư phục vụ các DNNVV được thành lập ở Tokyo, Osaka và Nagoya để hỗ trợ cho việc nâng cấp cấu trúc ngành công nghiệp [1], giúp đỡ các DNNVV trong việc niêm yết chứng khoán và gia tăng nguồn vốn sở hữu, qua đó nâng cao lợi thế cạnh tranh trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, các công ty xúc tiến đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn kinh doanh và công nghệ cho các doanh nghiệp này. Kể từ sau khi thành lập, các công ty này phát triển thuận lợi và đã giúp tăng vốn cho một số lượng lớn các DNNVV. Ngoài ra, sau khi các DNNVV được niêm yết trên thị trường chứng khoán, mặc dù các công ty xúc tiến đầu tư vẫn giữ vai trò là cổ đông đầu tư dài hạn, nhưng họ không quan tâm đến lợi nhuận thu về từ việc đầu tư.

- Những phương thức tài trợ khác, ví dụ như hoạt động cho thuê trang thiết bị dựa trên Luật Xúc tiến Hiện đại hóa Các doanh nghiệp Nhỏ và Vừa có thể giúp các doanh nghiệp này kịp thời ứng dụng các trang thiết bị hiện đại vào kinh doanh và cải tiến công nghệ.

2.1.4. Lựa chọn doanh nghiệp cấp vốn/hỗ trợ tài chính

Về cơ bản, các tổ chức tài chính công hay tư đều lựa chọn doanh nghiệp được hỗ trợ thông qua các tiêu chí riêng của mình. Thông thường việc lựa chọn dựa trên những khía cạnh sau:

Các tổ chức sẽ thông báo về các chương trình hỗ trợ và những thông tin có liên quan

Tổ chức hỗ trợ sẽ tổ chức hoạt động tư vấn cấp vốn trước khi vay. Việc tư vấn nhằm mục đích chính là giải thích về hệ thống cấp vốn và hướng dẫn về thủ tục cấp vốn.

Doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn trên cơ sở được tư vấn sẽ nộp đơn xin cấp vốn cùng với giấy đăng ký kinh doanh và báo cáo tài chính mới nhất. Tổ chức hỗ trợ sẽ thực hiện sàng lọc, xếp loại hồ sơ đăng ký. Trên cơ sở đó quyết định phương pháp thẩm tra và tổ chức/cá nhân thực hiện thẩm tra.

Việc thẩm tra cấp vốn sẽ thông qua các hình thức: (i) phỏng vấn; (ii) điều tra thực tế tại doanh nghiệp (đến khảo sát văn phòng, nhà máy, cửa hàng của người xin cấp vốn). Trưởng phòng phụ trách thẩm tra cấp vốn sẽ kiểm tra lại và trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu điều tra thêm.

Quyết định cấp vốn do người chịu trách nhiệm phê duyệt.

Ký kết hợp đồng cấp vốn và thực hiện cấp vốn.

Trong quá trình lựa chọn cấp vốn thì khâu quan trọng nhất là đánh giá doanh nghiệp. Việc đánh giá doanh nghiệp để cấp vốn dựa trên những nội dung chính sau:

- (i) Đánh giá khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- (ii) Đánh giá tính hợp lệ, sự cần thiết và tính hợp lý trong mục đích sử dụng vốn.
- (iii) Đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- (iv) Cân nhắc việc bảo đảm vốn.

Phương pháp đánh giá dựa trên 3 phương pháp phân tích: định tính, định lượng và phân tích mục đích sử dụng vốn.

- Đối với phân tích định tính sẽ bao gồm:

Con người: quá trình phát triển; năng lực của chủ kinh doanh

Vật chất: Thiết bị, máy móc; vị trí hoạt động; công nghệ/sản phẩm; quan hệ đối tác.

- Đối với phân tích định lượng: là hoạt động nắm bắt, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua: bản kê lỗ/lãi; bảng cân đối tài sản; tài khoản ngân hàng; sổ sách kế toán,...

Trên cơ sở các thông tin trên, đánh giá sẽ tập trung vào các nội dung: khả năng sinh lợi của doanh nghiệp; tính an toàn của doanh nghiệp; khả năng phát triển của doanh nghiệp. Trong trường hợp cần thiết sẽ triển khai khảo sát thực địa để xác định những điểm chưa rõ hoặc có nghi ngờ về sự trung thực.

- Đối với phân tích mục đích sử dụng vốn, sẽ thực hiện việc kiểm chứng phương thức sử dụng vốn dự trên: tính hợp lệ (có thuộc đối tượng cấp vốn không, phân loại mục đích sử dụng vốn); sự cần thiết (đánh giá và xem xét những lý do cần vay vốn, số tiền cần vay và thời gian vay) và tính hợp lý (hiệu quả sử dụng vốn, phương pháp huy động vốn, khả năng hoàn trả).

Nội dung phân tích mục đích sử dụng vốn gồm: phân tích vốn lưu động và phân tích vốn thiết bị (lãi sau đầu tư thiết bị được đề nghị cấp vốn, tính hợp lý trong dự toán doanh thu, khả năng thu- chi và năng lực hoàn trả).

Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp:

Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, việc đánh giá lựa chọn sẽ gặp những khó khăn sau: (i) Doanh nghiệp không có kết quả kinh doanh thực tế, không có báo cáo về tài chính; và (ii) Thông tin của doanh nghiệp là thiếu sự tin cậy về tài chính. Để giải quyết được những khó khăn này, quá trình đánh giá các doanh nghiệp khởi sự sẽ tập trung vào các nội dung sau:

Chủ doanh nghiệp có đủ năng lực của một nhà kinh doanh không? Năng lực này được đánh giá ở các khía cạnh: (i) động lực khởi nghiệp; (ii) tính hợp lý với vai trò là người kinh doanh; (iii) Trọng tâm kinh doanh; và (iv) sự gắn kết giữa các cá nhân tham gia khởi sự.

Kế hoạch kinh doanh có rõ ràng không? Kế hoạch kinh doanh được đánh giá dựa trên những khía cạnh cụ thể sau:

Mục đích khởi sự: có sự nhiệt tình, niềm tin và ý chí để vượt qua khó khăn không.

Năng lực của người khởi sự: Bản thân đã có những kỹ năng cần thiết chưa.

Đáp ứng yêu cầu của xã hội: Hoạt động kinh doanh có phục vụ các nhu cầu của xã hội không. Điều này sẽ được đánh giá cụ thể thông qua đánh giá được tính sản phẩm, đặc tính và năng lực kỹ thuật. Doanh nghiệp khởi sự cần phải đảm bảo đặc tính riêng có thể phân biệt được với các doanh nghiệp hiện có. Đặc tính này được xét trên các khía cạnh về sản phẩm, dịch vụ, kỹ thuật, giá cả, phương pháp bán hàng, vị trí, thời gian kinh doanh,...

Kế hoạch kinh doanh phải đảm bảo dựa trên sự chuẩn bị trên cơ sở các hoạt động: (i) thu thập thông tin cho việc xây dựng; (ii) nhận thức về những điểm yếu và cách thức khắc phục; (iii) đảm bảo đủ nguồn nhân lực; (iv) mối quan hệ với người lao động; và (v) sự hỗ trợ từ phía gia đình.

Kế hoạch kinh doanh cần dựa trên ý tưởng “Phát triển lớn mạnh từ những khởi đầu nhỏ”. Tránh tình trạng đặt ra mục tiêu phải thực hiện những hoạt động kinh doanh lớn với những trang thiết bị hoàn hảo. Cần đảm bảo sự phù hợp giữa nguồn lực tài chính với ý tưởng kinh doanh.

2.2. Mexico và chương trình bao thanh toán trực tuyến NAFIN

Bao thanh toán là một dạng tài trợ nhà cung cấp, trong đó các công ty bán các khoản phải thu của họ là những khoản tín dụng chất lượng cao với giá thấp hơn giá trị thực để nhận lấy tiền mặt tức thì. Dịch vụ bao thanh toán được sử dụng rộng khắp trên toàn thế giới ở cả các quốc gia phát triển và đang phát triển. Lợi thế của bao thanh toán so với tín dụng truyền thống là bao thanh toán chỉ dựa trên mức độ rủi ro của các khoản phải thu mà không dựa vào rủi ro của người đi vay. Đây chính là lý do khiến bao thanh toán trở thành công cụ tài trợ hữu hiệu cho người đi vay có rủi ro cao hay chưa được biết đến rộng rãi trên thị trường. Bao thanh toán đặc biệt quan trọng trong hệ thống tài chính mà luật thương mại không chặt chẽ và hệ thống tài chính hoạt động chưa thực sự hiệu quả như thường gặp ở các nước đang phát triển.

Có 2 dạng bao thanh toán trong tài trợ thanh khoản cho các DNNVV: Bao thanh toán truyền thống và bao thanh toán ngược. Trong bao thanh toán truyền thống, các DNNVV đóng vai trò là nhà cung cấp bán các khoản phải thu của mình cho các tổ chức tài chính có dịch vụ bao thanh toán. Trong bao thanh toán ngược, chính các tổ chức tài chính chủ động mua các khoản phải thu từ các khách hàng lớn có mức rủi ro tín dụng thấp của các DNNVV. Khi đó, các tổ chức tài chính chỉ việc thu thập thông tin, cân nhắc và đánh giá rủi ro của các khách hàng có chất lượng tín dụng cao - thường là các công ty lớn, minh bạch và được quốc tế công nhận.

Điển hình của loại hình bao thanh toán ngược là mô hình NAFIN (Nacional Financiera) ở Mexico, cung cấp dịch vụ bao thanh toán trực tuyến cho các nhà cung cấp là các DNNVV thông qua chương trình dây chuyền hiệu quả - một chương trình tạo cầu nối hữu hiệu giữa người mua là các khách hàng lớn và người bán là những nhà cung cấp nhỏ. Cụ thể, các khách hàng lớn là các công ty lớn có tình hình tài chính lành mạnh với rủi ro tín dụng thấp và nhà cung cấp thường là những công ty nhỏ, các công ty mạo hiểm không thể tiếp cận được nguồn tài trợ từ khu vực ngân hàng chính thức. Chương trình NAFIN cho phép các nhà cung cấp nhỏ sử dụng các khoản phải thu của họ từ những khách hàng lớn để có thể có được nguồn vốn tài trợ cho hoạt động. Dù nền kinh tế Mexico vẫn đang phát triển và các ngân hàng tích cực tham gia cho vay các DNNVV, bao thanh toán vẫn giữ vai trò là một hình thức tài trợ tiết kiệm nhất cho các doanh nghiệp này.

- Lịch sử ra đời của mô hình bao thanh toán NAFIN

NAFIN là ngân hàng phát triển của Nhà nước được chính phủ thành lập vào năm 1934 với mục đích tài trợ thương mại. Từ năm 2000, NAFIN được giao nhiệm vụ sử dụng công nghệ hiện đại để cấp tín dụng cho các DNNVV. Chương trình bao thanh toán là một sáng kiến của NAFIN nhằm cung cấp các dịch vụ của chính phủ nhanh và tiết kiệm hơn bằng cách sử dụng Internet.

- Hoạt động của NAFIN

NAFIN ứng dụng nền tảng điện tử để cung cấp dịch vụ bao thanh toán trực tuyến. Trên Website của NAFIN, mỗi khách hàng lớn được dành riêng một trang web và các nhà cung cấp nhỏ được nhóm lại thành các nhóm khác nhau với tiêu chí phân loại là các khách hàng lớn mà họ có mối quan hệ kinh doanh. Các nhà cung cấp và NAFIN phải ký với nhau một bản hợp đồng về việc cho phép bán hàng điện tử và giao dịch các khoản phải thu. Một khi nhà cung cấp giao hàng và hóa đơn cho người mua, người mua phải có trách nhiệm đăng một văn bản chấp nhận chuyển nhượng lên trang web của mình, văn bản này nêu rõ số tiền sẽ được bao thanh toán. Nhìn chung, số tiền được nêu trong văn bản bằng với giá trị của khoản phải thu. Sau đó, nhà cung cấp sẽ truy cập vào trang Web của người mua trên Website của NAFIN để xem các khoản phải thu nào sẽ được chấp nhận bao thanh toán và lãi suất đi kèm với nó là bao nhiêu. Có thể có nhiều tổ chức tài chính cùng chấp nhận một khoản phải thu và các mức lãi suất đưa ra là khác nhau, khi đó nhà cung cấp sẽ chọn lựa xem điều kiện nào là có lợi nhất với mình rồi nhấp chuột vào tên của khoản bao thanh toán đó và số tiền được ghi trong văn bản chấp nhận chuyển nhượng của người mua trước đó ngay lập tức sẽ được chuyển vào tài khoản của nhà cung cấp. Khi hóa đơn đến hạn, người mua sẽ thanh toán trực tiếp cho khoản bao thanh toán này.

- Những ưu điểm vượt trội của chương trình bao thanh toán NAFIN

Thứ nhất, việc sử dụng nền tảng điện tử và Internet làm giảm chi phí và tăng hiệu quả giao dịch cho cả 3 bên tham gia: nhà cung cấp, khách hàng và tổ chức tài chính cung cấp dịch vụ bao thanh toán. Trong đó, người mua là người được lợi nhiều nhất do được cung cấp thanh khoản trong khoảng thời gian ngắn nhất. Mặt khác, nhờ ứng dụng Internet mà NAFIN có thể dễ dàng mở rộng đối tượng tham gia chương trình mà không bị giới hạn bởi không gian.

Thứ hai, sử dụng dịch vụ bao thanh toán ngược sẽ giúp chuyển giao rủi ro tín dụng của nhà cung cấp nhỏ sang người mua có độ an toàn tín dụng cao và cho phép NAFIN cung cấp dịch vụ bao thanh toán miễn truy đòi hay không phải thế chấp cho các DNNVV. Thêm vào đó, mặc dù dịch vụ bao thanh toán có thu phí, nhưng phí suất

này sẽ thấp hơn rất nhiều so với lãi suất mà các DNNVV phải đi vay ở các ngân hàng thương mại.

Thứ ba, tính chất "tức thời" của giao dịch trực tuyến và cơ cấu chương trình cho phép nhiều tổ chức tín dụng tham gia đã nuôi dưỡng tính cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng và cho phép các nhà cung cấp nhỏ lựa chọn các gói bao thanh toán có những điều khoản thuận lợi nhất cho mình. Hầu hết các tổ chức tài chính cung cấp dịch vụ bao thanh toán đều tái tài trợ các khoản thanh toán cho NAFIN để thu lợi nhuận từ chênh lệch giữa lãi suất mà họ phải trả cho các nhà cung cấp với lãi suất mà NAFIN thanh toán.

- Vai trò của chính phủ Mexico

Trong tháng 5 năm 2000, cải cách luật pháp liên quan đến thương mại điện tử đã cho phép các văn bản điện tử có hiệu lực pháp luật giống như các văn bản viết, mở đường cho bao thanh toán trực tuyến phát triển. Tiếp đó, Quốc hội Mexico thông qua Luật Bảo tồn các văn bản điện tử, trong đó thiết lập các quy định về bảo tồn các dữ liệu liên quan đến hợp đồng, thỏa thuận và hiệp định. Tháng 4 năm 2003, Luật Chữ ký Điện tử được ban hành cho phép chữ ký điện tử được thay thế cho chữ ký văn bản và cho phép bên nhận các tài liệu kỹ thuật số được xác minh danh tính của người gửi. Tháng 1 năm 2004, những sửa đổi trong Bộ Luật Tài chính Liên bang đã hoàn thiện các luật về giao dịch điện tử, trong đó có bao thanh toán. Ngoài ra, các điều kiện thuế thuận lợi đã làm giảm chi phí bao thanh toán cho các DNNVV và cung cấp nhiều ưu đãi cho đối tượng này khi tham gia chương trình. Tất cả phí suất mà các nhà cung cấp nhỏ phải trả cho các tổ chức tài chính có dịch vụ bao thanh toán đều được khấu trừ thuế.

2.3. Kinh nghiệm của Đài Loan

Chính phủ Đài Loan không can thiệp sâu vào các quyết định của các doanh nghiệp lớn và DNNVV nhưng đóng vai trò chất xúc tác thông qua hỗ trợ tài chính. Chính phủ trợ giúp các liên kết này thông qua hỗ trợ kỹ thuật tư vấn quản lý và hỗ trợ

tài chính. Các doanh nghiệp hạt nhân có trách nhiệm phối hợp, giám sát và cải tiến hoạt động của các doanh nghiệp vệ tinh của mình. Các doanh nghiệp hạt nhân tham gia hệ thống này vì được trợ cấp tài chính, còn các doanh nghiệp vệ tinh tham gia vì muốn nâng cao hiệu quả sản xuất. Hệ thống này góp phần chia sẻ thông tin và tạo ra cơ chế để chính phủ thực thi các chính sách của mình. Với hệ thống hỗ trợ phù hợp và có hiệu quả, Đài Loan đã thành công trong phát triển DNNVV với 40% GNP, 60% kinh ngạch xuất khẩu và 68% lực lượng lao động cả nước do khu vực này đóng góp. Chính phủ hỗ trợ tài chính tín dụng cho DNNVV thông qua các chính sách như:

- Khuyến khích các ngân hàng cho DNNVV vay vốn. Để tháo gỡ các khó khăn không có tài sản thế chấp, thiếu phương án kinh doanh khả thi và tín nhiệm tín dụng, chính quyền Đài Loan đã thực hiện các biện pháp khuyến khích ngân hàng cung cấp tín dụng cho DNNVV như: điều chỉnh lãi suất; quy định tỷ lệ cung cấp tín dụng cho DNNVV tăng lên hàng năm. Ngân hàng Trung ương yêu cầu các ngân hàng thương mại phải thành lập phòng tín dụng dành cho DNNVV tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp này tăng khả năng tiếp cận với ngân hàng. Đồng thời, ngân hàng trung ương sử dụng chuyên gia tư vấn cho DNNVV về biện pháp củng cố cơ cấu tài chính, tăng khả năng tài trợ cho doanh nghiệp. Thành lập trung tâm hướng dẫn và hỗ trợ chung cho DNNVV nhằm cung cấp tài chính cho doanh nghiệp, phối hợp với các tổ chức tài chính giải quyết khó khăn về cung cấp tín dụng, hỗ trợ đào tạo quản lý tài chính. Đồng thời, có các chương trình miễn phí cho các DNNVV cải thiện hệ thống kế toán, tăng cường khả năng vạch kế hoạch kinh doanh, cải thiện các biện pháp thu hồi vốn.

- Thành lập Quỹ phát triển DNNVV: Đài Loan cho phép thành lập các quỹ có chức năng cấp vốn cho khu vực này qua hệ thống ngân hàng. Hàng năm, chính quyền phân bổ ngân sách cho các quỹ phát triển 12 tỷ Đài tệ và quỹ có trách nhiệm cung cấp khoản vốn nhất định cho DNNVV nào thỏa mãn các điều kiện mà chính quyền đưa ra với mức lãi suất ưu đãi. Lợi nhuận từ các quỹ phát triển này dùng cho chương trình hỗ trợ phát triển DNNVV tại các địa phương.

- Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng: Năm 1974, Đài Loan đã yêu cầu các thể chế tài chính góp vốn cùng chính quyền địa phương thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV với mục đích hỗ trợ tài chính cho các DNNVV có tiềm năng phát triển nhưng thiếu tài sản thế chấp có thể vay vốn tín dụng ngân hàng với sự bảo lãnh của quỹ này. Quỹ bảo lãnh khoảng 70-80% mức vay nhằm chia sẻ rủi ro với ngân hàng nên họ thấy tin tưởng hơn trong cấp tín dụng cho DNNVV. Sự ra đời của quỹ này góp phần tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng đồng thời ổn định môi trường tài chính cho các doanh nghiệp này. Kể từ khi thành lập đến cuối năm 2010, Quỹ đã bảo lãnh tín dụng cho 4,2 triệu trường hợp với số tiền bảo lãnh tương đương 5.443,13 tỷ Đài tệ; dư nợ tín dụng được hỗ trợ thông qua bảo lãnh cho DNNVV chiếm khoảng 16,25% dư nợ tín dụng cho DNNVV được thực hiện bởi các tổ chức tài chính.